

Bản án số: 68/2023/HCPT
Ngày 10 tháng 02 năm 2023
V/v. Khiếu kiện quyết định hành
chính.

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Hải Hiệp;

Các Thẩm phán: Ông Điều Văn Hằng;
Ông Nguyễn Huyền Cường.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đào Thanh Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 10 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử công khai vụ án hành chính thụ lý số 625/2020/TLPT-HC ngày 02 tháng 12 năm 2020 do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2020/HC-ST ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh CB , theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 210/2023/QĐ-PT ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội giữa các đương sự:

* **Người khởi kiện:** Bà Đinh Thị T, sinh năm 1960; địa chỉ: Phường SB, thành phố CB, tỉnh CB. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Nguyễn Đắc T và Luật sư Phùng Văn C thuộc Công ty luật TNHH MT , Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: Đường LT, xã AK, huyện HD, thành phố HN. Có mặt.

*** Người bị kiện:**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh CB ; do ông Nguyễn Trung T – Phó Chủ tịch UBND tỉnh CB làm đại diện (theo Văn bản ủy quyền số 233/UBND-UQ ngày 10/02/2020). Vắng mặt và có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân thành phố CB, tỉnh CB ; do ông Nguyễn Minh C – Phó Chủ tịch UBND thành phố CB làm đại diện. Có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Bế Quang L, sinh năm 1971; địa chỉ: Phường SB, thành phố CB, tỉnh CB . Vắng mặt và có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Ông Bé Văn C, sinh năm 1968; địa chỉ: phường SB, thành phố CB, tỉnh CB. Vắng mặt và có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Bà Nông Thị H; địa chỉ: phố KĐ, phường HG, thành phố CB, tỉnh CB. Vắng mặt và có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Mạnh C; địa chỉ: Tổ 32, phố KĐ, phường HG, thành phố CB, tỉnh CB. Vắng mặt và có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24/12/2019, đơn khởi kiện sửa chữa, bổ sung ngày 09/01/2020 và trong quá trình tố tụng, người khởi kiện là Bà Đinh Thị T trình bày:

Căn cứ theo hồ sơ giải quyết tranh chấp đất đai giữa gia đình ông Tô Vĩnh D với gia đình ông Bé Văn T thì từ năm 1994 đến năm 2019, gia đình ông D liên tục có đơn khiếu nại, đơn yêu cầu để nhờ các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, đòi lại đất mà gia đình ông T đã lấn chiếm. Cụ thể:

Do không đồng ý với nội dung Quyết định số 97/QĐ-UB ngày 05/6/1994 của UBND thị xã CB về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ ông Bé Văn T và ông Tô Vĩnh D tại làng NC, phường NX, thị xã CB, ngày 06/6/1994 ông Tô Vĩnh D và ông Tô Xuân T đã làm đơn khiếu nại gửi các cơ quan Nhà nước trong đó có Thanh tra Sở Công an, Sở Địa chính, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh CB.

Ngày 07/06/1994, Sở Địa chính tỉnh CB đã cử thanh tra xuống cùng tham dự buổi giải quyết lần 2 của Thanh tra thị xã CB (thành phần gồm có: Thường trực UBND xã NC, Chánh, Phó Chánh thanh tra thị xã, các nhân chứng ở địa phương và hai bên đương sự).

Ngày 27/6/1994, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh CB có Giấy báo tin đã chuyển đơn khiếu nại của ông Tô Xuân T đối với Quyết định số 97/QĐ-UB ngày 05/6/1994 đến Ủy ban Thanh tra tỉnh để giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 19/01/1995, Thanh tra tỉnh CB đã gửi đơn khiếu nại của ông Tô Xuân T đến Sở Đất đai tỉnh CB để giải quyết theo thẩm quyền. (có Giấy báo về việc chuyển đơn).

Ngày 01/6/1995, Thanh tra - Sở Địa chính tỉnh CB có Báo cáo về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Tô Vĩnh D và ông Bé Văn T. Tại Báo cáo xác định: *“UBND xã NC, Thanh tra thị xã chỉ xuống xem xét tình hình về khu đất cho gia đình ông T mà không kiểm tra đo đạc cụ thể để phân định ranh giới rõ ràng. Vì vậy muốn được công bằng và phân rõ ranh giới của hai đương sự. Thanh tra Sở địa chính đề nghị UBND thị xã cử cán bộ kết hợp với UBND xã NC (nay là phường SB) xuống thực địa đo đạc cắm mốc giới cụ thể cho 2 bên đương sự để ổn định sản xuất và đời sống cho 2 gia đình”.*

Ngày 15/01/2004, UBND thị xã CB ban hành Quyết định số 143/QĐ-XKT-UB về việc giải quyết khiếu nại về tranh chấp đất đai giữa ông Tô Vĩnh D với Ông Bé Quang L (con ông Bé Văn T), theo đó giao cho Ông Bé Quang L sử dụng phần diện tích đất là 442,68m²; giao cho ông Tô Vĩnh D sử dụng phần diện tích đất là 547m². Do không đồng ý với Quyết định số 143/QĐ-XKT-UB nên

ông Tô Vĩnh D tiếp tục khiếu nại đến UBND tỉnh CB để đòi lại phần diện tích đất 442,68m² mà UBND thị xã CB đã giao cho Ông Bé Quang L sử dụng.

Ngày 12/7/2005, Chủ tịch UBND tỉnh CB ban hành Quyết định số 1577/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại về tranh chấp đất đai giữa ông Tô Vĩnh D với Ông Bé Quang L với nội dung: “Điều 1. Chấp nhận đơn khiếu nại của ông Tô Vĩnh D - Trú tại Tổ 19, phường SB, thị xã CB về việc đòi được quản lý và sử dụng diện tích đất 442,68m² đang tranh chấp với Ông Bé Quang L (con ông Bé Văn T đã mất)”. Điều 2. Giao khu đất tranh chấp cho gia đình ông Tô Vĩnh D được quản lý và sử dụng...Các quyết định trước đây về giải quyết tranh chấp khu đất này, trái với quyết định này đều bị bãi bỏ...”. Ông Bé Quang L có đơn khiếu nại đối với Quyết định số 1577/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh CB .

Ngày 11/9/2010, Chủ tịch UBND tỉnh CB ban hành Quyết định số 1509/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại, tranh chấp đất đai giữa ông Tô Vĩnh D với Ông Bé Quang L với nội dung: “Điều 1. Không chấp nhận đơn khiếu nại của Ông Bé Quang L đòi quyền quản lý sử dụng lô đất có diện tích 442,68m²...Quyết định số 1577/QĐ-UBND ngày 12/7/2005 của Chủ tịch UBND tỉnh CB về việc giải quyết khiếu nại là đúng pháp luật...Điều 2. Do có sự tự nguyện của gia đình ông Tô Vĩnh D về việc nhường lại một phần đất trong khu đất tranh chấp được thể hiện tại Biên bản ngày 30/9/2009. Vì vậy nhất trí sửa đổi Quyết định số 1577/QĐ-UBND ngày 12/7/2005 của Chủ tịch UBND tỉnh theo hướng: Giao lại cho Ông Bé Quang L và Ông Bé Văn C diện tích 113,05m² trong tổng số 442,68m² đang tranh chấp, vị trí...Phần đất còn lại có diện tích 329,63m² thuộc quyền quản lý, sử dụng của gia đình ông Tô Vĩnh D ”.

Đến ngày 16/5/2019, Bà Đình Thị T nhận được Quyết định số 577/QĐ-UBND ngày 14/05/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh CB về việc hủy bỏ các quyết định giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Tô Vĩnh D với ông Bé Văn T tại tổ 19, phường SB, thành phố CB . Theo đó, Chủ tịch UBND tỉnh CB quyết định: “Hủy bỏ Quyết định số 1577/QĐ-UBND ngày 12/7/2005 và Quyết định số 1509/QĐ-UBND ngày 11/9/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh CB ” với lý do: Ngày 05/6/1994, UBND thị xã CB có Quyết định số 97/QĐ-UB về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ ông Bé Văn T và ông Tô Vĩnh D . Ngày 13/12/1994, ông Tô Vĩnh D và ông Tô Vĩnh T (là hai anh em) mới có đơn khiếu nại Quyết định số 97/QĐ-UB gửi đến Thanh tra tỉnh. Theo quy định tại Điều 19 Pháp lệnh giải quyết khiếu nại, tố cáo năm 1991 thì thời hiệu khiếu nại đã quá hạn 08 ngày. Quyết định số 97/QĐ-UB đã có hiệu lực pháp luật và đến ngày 13/9/2001 Phòng Địa chính thị xã, UBND phường SB và một số thành phần có liên quan đã tổ chức đo đạc, xác định ranh giới đất giữa hai gia đình theo Quyết định số 97/QĐ-UB, sau đó các con ông T là Bé Quang L và Bé Văn C đã chuyển nhượng toàn bộ phần đất được giải quyết theo Quyết định số 97/QĐ-UB cho người khác và đã được UBND phường SB xác nhận. Do Quyết định số 97/QĐ-UB của UBND thị xã CB đã có hiệu lực, đã được tổ chức thi hành nên UBND thị xã CB và Chủ tịch UBND tỉnh CB tiếp tục ban hành các quyết định giải quyết tranh chấp giữa

gia đình ông Tô Vĩnh D với gia đình ông Bé Văn T là không đúng quy định, cần phải hủy bỏ.

Căn cứ theo Quyết định số 577/QĐ-UBND ngày 14/05/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh CB , ngày 28/05/2019 UBND thành phố CB đã ban hành Quyết định số 1713/QĐ-UBND về việc hủy bỏ Quyết định số 143/QĐ-XKT-UB ngày 15/01/2004 của UBND thị xã CB .

Bà Đinh Thị T cho rằng: Chủ tịch UBND tỉnh CB và UBND thành phố CB xác định thời hiệu khiếu nại đã hết (đã quá hạn 08 ngày) là không đúng thực tế nên việc ban hành Quyết định số 577/QĐ-UBND và Quyết định số 1713/QĐ-UBND là trái quy định của pháp luật, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà. Vì vậy, bà T khởi kiện vụ án đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 577/QĐ-UBND và Quyết định số 1713/QĐ-UBND; công nhận quyền sử dụng đất của gia đình bà T theo các Quyết định số 143/QĐ-XKT-UB, Quyết định số 1577/QĐ-UBND và Quyết định số 1509/QĐ-UBND.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện bổ sung yêu cầu khởi kiện đề nghị hủy Quyết định số 803/QĐ-UBND ngày 12/6/2019 của UBND tỉnh CB về việc đình chính Quyết định số 577/QĐ-UBND và Quyết định số 1796/QĐ-UBND ngày 05/6/2019 của UBND thành phố CB về việc đình chính Quyết định số 1713/QĐ-UBND ngày 05/6/2019.

Người bị kiện là Chủ tịch UBND tỉnh CB do ông Nguyễn Trung T - Phó Chủ tịch UBND tỉnh CB làm đại diện trình bày:

* Quá trình xem xét giải quyết của các cấp: Sau khi tranh chấp xảy ra đã có hòa giải tại cơ sở, thể hiện tại Biên bản hòa giải ngày 30/10/1990 của Ban quản lý HTX và Biên bản hòa giải về tranh chấp đất đai của UBND xã NC ngày 14/5/1992. Ngày 04/6/1994, UBND thị xã CB có cuộc họp giải quyết đơn khiếu nại tranh chấp đất đai giữa hai hộ ông D và ông T. Căn cứ kết luận của cuộc họp, UBND thị xã CB ban hành Quyết định số 97/QĐ-UB ngày 05/6/1994 với nội dung: “ - Công nhận quyền quản lý và sử dụng hợp pháp của ông Bé Văn T đối với toàn bộ khu đất đang tranh chấp theo bản đồ giải thửa năm 1984 của sở quản lý ruộng đất tỉnh CB bao gồm các thửa số: 304; 315; 318; 319; 320 với tổng diện tích là 1.060 m² vị trí phía bắc giáp ruộng ông U, phía nam giáp đường dân sinh, phía đông giáp ruộng ông D, ông Q, phía tây giáp ruộng bà B;

- Lấy con đường dân sinh của xóm làm ranh giới. Giao phần đất phía bắc con đường cho gia đình Thuộc quản lý, sử dụng. Giao phần đất phía Nam con đường tiếp giáp với bờ suối cho gia đình ông D quản lý, sử dụng. ”

Sau khi có Quyết định số 97/QĐ-UB, gia đình ông D có đơn khiếu nại đề ngày 06/6/1994 khiếu nại đến Thanh tra tỉnh (nhận được đơn ngày 13/12/1994, hết thời hiệu). Ngày 31/10/2001, UBND phường SB xác nhận việc chuyển nhượng đất giữa Ông Bé Quang L (bên bán) với Ông Nguyễn Mạnh C (bên mua); Ngày 6/10/2002, tiếp tục xác nhận việc chuyển nhượng đất giữa Ông Bé Văn C (bên bán) với Ông Nguyễn Mạnh C (bên mua).

Do gia đình ông D tiếp tục có đơn khiếu nại, qua thẩm tra, xác minh ngày 11/12/2003, Sở Tài nguyên và Môi trường có Báo cáo số 63/BC-TN&MT và vụ việc được đưa ra Hội đồng tư vấn của tỉnh (Thông báo số 720/TB-VP ngày

23/12/2003), Chủ tịch UBND tỉnh CB đã kết luận vụ việc: “*Nhất trí kết luận và kiến nghị của Sở TN-MT tại báo cáo số: 63/BC-TN&MT. Quyết định giải quyết của UBND thị xã đã đúng hướng nhưng chưa chính xác, chưa cụ thể. Do đó giao cho UBND thị xã tự sửa Quyết định số 97/QĐ-UB ngày 5/6/1994, theo hướng đúng diện tích, đúng vị trí đang tranh chấp, diện tích nào không tranh chấp thì giữ nguyên trạng. Sau khi UBND thị xã tự sửa quyết định, UBND tỉnh sẽ ban hành quyết định giải quyết cuối cùng.*”

Đến ngày 15/01/2004, UBND thị xã CB có Quyết định số 143/QĐ-XKT-UB với nội dung: “*Giao phần đất bãi bồi phía bắc đường dân sinh có diện tích 442,68m² cho Ông Bé Quang L (Con ông T) quản lý, sử dụng (theo hiện trạng đang quản lý). Giao phần đất bãi bồi phía nam đường dân sinh Khối Nà Cạn (đường vào trụ sở HTX cũ) có diện tích 547m² cho ông Tô Vĩnh D quản lý, sử dụng (theo hiện trạng đang quản lý).*”

Sau khi có Quyết định số 143/QĐ-XKT-UB gia đình ông D vẫn tiếp tục khiếu nại. Ngày 25/5/2004, UBND tỉnh CB có Công văn 65/UB-NC giao cho Thanh tra tỉnh CB, thẩm tra, xác minh lại vụ việc khiếu nại của ông Tô Vĩnh D. Ngày 24/11/2004, Thanh tra tỉnh CB có Báo cáo số 275/BC-TTr-XKT về kết quả thẩm tra, xác minh vụ việc.

Ngày 12/7/2005, Chủ tịch UBND tỉnh CB ban hành Quyết định số 1577/QĐ-UBND với nội dung: “*Điều 1: Chấp nhận đơn khiếu nại của ông Tô Vĩnh D - Trú tại tổ 19, phường SB, thị xã CB – về việc đòi được quản lý và sử dụng diện tích đất 442,68m² đang tranh chấp với Ông Bé Quang L (con ông T). Điều 2: 1. Giao khu đất đang tranh chấp (442,68m²) cho gia đình ông Tô Vĩnh D được quản lý sử dụng...2. Các quyết định trước đây về giải quyết tranh chấp khu đất này trái với quyết định này đều bãi bỏ.*”

Ngày 8/8/2005, Ông Bé Quang L có đơn khiếu nại.

Ngày 14/02/2007, UBND tỉnh CB ban hành Công văn số 215/UBND-NC về việc thi hành Quyết định số 1577/QĐ-UBND và là quyết định giải quyết khiếu nại cuối cùng.

Ngày 03/8/2007, UBND thị xã CB có Báo cáo số 73/BC-UBND báo cáo những vướng mắc trong quá trình thực hiện Quyết định số 1577/QĐ-UBND. Tiếp đó ngày 05/8/2008, UBND tỉnh CB có Công văn 1453/UBND-NC về việc thi hành Quyết định số 1577/QĐ-UBND có nội dung chỉ đạo UBND thị xã CB thực hiện việc giao đất cho ông Tô Vĩnh D theo đúng nội dung Quyết định số 1577/QĐ-UBND ngày 12/7/2005.

Ngày 02/10/2008, UBND thị xã CB tiếp tục có Báo cáo số 126/BC-UBND về việc tổ chức thực hiện Quyết định số 1577/QĐ-UBND. Tại báo cáo có nêu: “*Năm 2000, ông Bé Văn T chết, Ông Bé Quang L và Bé Văn C và các anh em đã hợp chia đất đai, sau đó ông L, ông C đã bán toàn bộ khu đất trên cho gia đình Ông Nguyễn Mạnh C, Bà Nông Thị H sử dụng và sau đó xây nhà cấp 4, tường rào bao quanh khu đất.*”

Ngày 01/10/2009, Thanh tra tỉnh CB có Báo cáo số 395/TTr-XKT kết quả kiểm tra lại vụ việc tranh chấp đất đai giữa ông Tô Vĩnh D với gia đình Ông Bé Quang L, Bé Văn C.

Ngày 11/9/2010, UBND tỉnh CB có Quyết định số 1509/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại, tranh chấp đất đai giữa ông Tô Vĩnh D với Ông Bé Quang L, Ông Bé Văn C. Với nội dung: “Điều 1. Không chấp nhận khiếu nại của Ông Bé Quang L đòi được quyền quản lý sử dụng lô đất có diện tích 442,68m² mà hiện nay đang có tranh chấp đối với ông Tô Vĩnh D tại tổ 19, phường SB, thị xã CB.

- Quyết định số 1577/QĐ-UBND ngày 12/7/2005 về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Tô Vĩnh D với gia đình Ông Bé Quang L là đúng pháp luật;

- Việc ông Ông Bé Quang L, Ông Bé Văn C (con ông T) tự chia diện tích đất đang có tranh chấp với ông Tô Vĩnh D và bán cho Ông Nguyễn Mạnh C là không hợp pháp, các giấy tờ sang tên, chuyển nhượng giữa các cá nhân trong quá trình có tranh chấp là trái với quy định phải hủy bỏ;

- Việc UBND phường SB, Phòng Tài Nguyên và Môi trường thị xã làm thủ tục cho sang tên, chuyển nhượng đất giữa ông L, ông C, ông C là trái quy định, các bên liên quan phải tự khắc phục hậu quả.

Điều 2. Do có sự tự nguyện của gia đình ông Tô Vĩnh D về việc nhường lại một phần đất trong khu đất đang có tranh chấp được thể hiện tại biên bản ngày 30/9/2009. Vì vậy, nhất trí sửa đổi Quyết định số 1577/QĐ-UBND ngày 12/7/2005 của Chủ tịch UBND tỉnh theo hướng:

- Giao lại cho ông Ông Bé Quang L, và Ông Bé Văn C diện tích 113,05m² đất trong tổng 442,68m² đang tranh chấp, vị trí đất giáp nhà ông Triệu Văn Cảnh; phía nam giáp đường rộng 4,5m; phía bắc giáp cột điện và ruộng gia đình ông C, ông L rộng 4m, chiều sau hết thửa đất;

- Phần đất còn lại có diện tích 329,63 m² thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông D;

- Giao cho UBND thị xã đo đạc, xác định vị trí ranh giới (theo sơ đồ kèm biên bản ngày 30/9/2009 của Thanh tra tỉnh), giải phóng mặt bằng giao đất cho hai bên, nếu gia đình ông C, ông L không tự giác chấp hành thì thực hiện biện pháp hành chính theo quy định.”

Quyết định số 1509/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh được ban hành nhưng không thi hành được, do những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không nhất trí và tiếp tục khiếu nại.

* Kết quả rà soát theo Kế hoạch số 2100/KH-TTCTP ngày 19/9/2013 của Thanh tra Chính phủ cho thấy: Vụ việc tranh chấp ban đầu là ông T đòi sử dụng toàn bộ khu đất ruộng và bãi bồi, diện tích đất này đã được HTX đưa vào sử dụng từ năm 1960. Đối với khu đất bãi bồi, HTX đã cải tạo để xây dựng các công trình, nhà cửa phục vụ mục đích hoạt động sản xuất của HTX. Theo quy định của Luật đất đai, khi HTX giải thể năm 1990, diện tích đất trên thuộc quyền quản lý nhà nước. Năm 1990, HTX giải thể thanh lý tài sản trên đất (là nhà Chũ thập đồ). Ông D đã mua lại tài sản trên đất, đất vẫn thuộc quản lý của Nhà nước. Tuy nhiên, ông D đã chuyển đến ở, đồng thời canh tác trên diện tích đất xung quanh thuộc quyền quản lý của HTX. Từ thời điểm này bắt đầu phát sinh tranh

chấp bởi ông T cho rằng khu đất ruộng và bãi bồi này có nguồn gốc do gia đình ông khai phá, trước khi đưa vào HTX và đòi quyền quản lý, sử dụng.

Tại các biên bản hòa giải, các nhân chứng đều cho rằng nguồn gốc đất do gia đình ông T khai phá trước khi đưa vào HTX và các cuộc họp đều giải quyết đất cho gia đình ông T. Hiện nay không có giấy tờ chứng minh về nguồn gốc, diện tích, hiện trạng đất đang tranh chấp trước khi đưa vào HTX. Tuy nhiên, căn cứ vào tình hình thực tế địa phương, nhu cầu sử dụng đất của các gia đình, trên cơ sở biên bản các cuộc họp hòa giải, ý kiến của các nhân chứng và nhằm mục đích chấm dứt tranh chấp ổn định sản xuất, ổn định tình hình an ninh trật tự của địa phương, UBND thị xã CB đã ban hành Quyết định số 97/QĐ-UB ngày 05/6/1994 về giải quyết tranh chấp đất đai, phân chia, giao đất tranh chấp cho các gia đình canh tác, sử dụng đảm bảo tính hợp lý, công bằng.

Gia đình ông Tô Vĩnh D đã biết được, nhận được Quyết định số 97/QĐ-UB từ tháng 6/1994, nhưng đến ngày 13/12/1994, gia đình ông D mới có đơn khiếu nại đến cơ quan có thẩm quyền là đã quá thời hiệu khiếu nại theo quy định tại Điều 19 Pháp lệnh giải quyết khiếu nại, tố cáo năm 1991. Quyết định này sau khi ban hành đã có hiệu lực pháp luật nên các quyết định giải quyết tranh chấp đất đai gồm: Quyết định số 143/QĐ-XKT-UB; Quyết định số 1577/QĐ-UBND và Quyết định số 1509/QĐ-UBND tiếp tục giải quyết tranh chấp đất giữa ông T và ông D là không đúng quy định. Vì vậy, ngày 14/5/2019, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 577/QĐ-UBND ngày 14/5/2019 hủy bỏ các quyết định nêu trên.

* Quyết định số 577/QĐ-UBND ngày 14/5/2019 được ban hành trên cơ sở: Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011; Kế hoạch số 2100/KH-TTCT ngày 19/9/2013 của Thanh tra Chính phủ về việc tiếp tục kiểm tra, rà soát, giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp, tồn đọng, kéo dài; Báo cáo kết quả rà soát vụ việc tranh chấp đất đai giữa ông Tô Vĩnh D với ông Bé Văn T của Tổ rà soát; Kết quả tổ chức đối thoại với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; Quy định của pháp luật liên quan trong quá trình giải quyết vụ việc.

Đối với việc Người khởi kiện căn cứ vào Báo cáo số 126/ĐC-TT ngày 01/6/1995 của Sở Địa chính để chứng minh thời hiệu khiếu nại và cho rằng đã gửi đơn khiếu nại từ ngày 06/6/1994 là không có căn cứ. Thực tế rà soát cho thấy Báo cáo số 126/ĐC-TT không đúng trình tự, thẩm quyền báo cáo; không có văn bản nào đi kèm với báo cáo, không có tài liệu chứng minh nên văn bản này không có giá trị.

Tóm lại, Chủ tịch UBND tỉnh CB khẳng định Quyết định số 577/QĐ-UBND, Quyết định số 803/QĐ-UBND được ban hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo các quy định của pháp luật. Bà Đinh Thị T khởi kiện yêu cầu hủy bỏ hai quyết định này là không có căn cứ nên đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà T.

Người bị kiện là UBND thành phố CB do ông Nguyễn Quốc T - Chủ tịch UBND thành phố CB làm đại diện trình bày:

Thứ nhất, UBND thị xã CB không nhận được đơn khiếu nại đề ngày 06/6/1994 của ông Tô Vĩnh D và ông Tô Xuân T đối với Quyết định số 97/QĐ-UB mà chỉ có đơn khiếu nại là bản phô tô nhận từ Thanh tra tỉnh CB.

Thứ hai, UBND thành phố CB nhất trí với ý kiến trình bày của Chủ tịch UBND tỉnh CB. Do Quyết định số 97/QĐ-UB có hiệu lực pháp luật, đã được tổ chức thi hành nên UBND thị xã CB và Chủ tịch UBND tỉnh CB tiếp tục ban hành các quyết định giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Tô Vĩnh D với gia đình ông Bé Văn T là không đúng quy định. Việc hủy bỏ Quyết định số 143/QĐ-XKT-UB, ban hành Quyết định số 1713/QĐ-UBND là có lý do rõ ràng, đúng quy định pháp luật. Quyết định 1713/QĐ-UBND được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, dựa trên cơ sở điểm h khoản 2 Điều 40 Luật khiếu nại năm 2011; Quyết định số 577/QĐ-UBND ngày 14/5/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh CB về việc hủy bỏ các quyết định giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Tô Vĩnh D với ông Bé Văn T tại tổ 19, phường SB, thành phố CB. Vậy, yêu cầu hủy Quyết định số 1713/QĐ-UBND của người khởi kiện là không có căn cứ pháp lý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ông Bé Quang L, bà Hứa Thị Q trình bày: Trước đây gia đình tôi (gia đình ông Bé Văn T) có tranh chấp mảnh đất tại khu NT, phường SB, đã được các cấp chính quyền giải quyết bằng quyết định số 97/QĐ-UB. Mảnh đất hiện nay đang tranh chấp có diện tích 442,68m². Nguồn gốc do gia đình ông T khai phá năm 1940. Tại biên bản làm việc, các nhân chứng là những người cao tuổi đều khẳng định gia đình ông T khai phá và quản lý trước gia đình ông D gần chục năm, có cả chú ruột của ông Tô Vĩnh D là ông Tô Văn C cũng có mặt (hiện đã chết). Khi đó, bố tôi đã nhường một phần đất, lấy con đường làm mốc, phía nam con đường là của ông D, còn phía bắc là của gia đình ông T.

Quyết định số 97/QĐ-UB có hiệu lực, sau khi có đầy đủ các giấy tờ, năm 2001 - 2002, tôi và anh trai (Bé Văn C) đã bán toàn bộ phần đất được giải quyết cho Ông Nguyễn Mạnh C và Bà Nông Thị H, được UBND phường SB xác nhận. Khi giao nhận đất, ông D không có ý kiến, hiện nay phần đất của gia đình bà T cũng đã được bán cho người khác. Đến năm 2005 Chủ tịch UBND tỉnh CB mới ban hành Quyết định số 1577/QĐ-UBND; năm 2010 mới ban hành Quyết định số 1509/QĐ-UBND là không đúng pháp luật, xâm phạm đến quyền, lợi ích của gia đình tôi. Sau khi hai quyết định này được ban hành gia đình tôi gửi rất nhiều đơn khiếu nại. Qua xem xét, rà soát, Chủ tịch UBND tỉnh CB đã ban hành Quyết định số 577/QĐ-UBND và UBND thành phố CB đã ban hành Quyết định số 1713/QĐ-UBND là đúng pháp luật, đảm bảo công bằng, khách quan. Do đó, đề nghị Toà án bác yêu cầu khởi kiện của Bà Đình Thị T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bà Nông Thị H trình bày: Năm 2001, gia đình bà H có nhu cầu mua đất để xây nhà. Căn cứ Quyết định số 97/QĐ-UB và Biên bản xác định ranh giới đất lập ngày 13/9/2001, gia đình bà xác định Ông Bé Văn C, Ông Bé Quang L là người có quyền quản lý sử dụng đối với các thửa đất lần lượt có diện tích 414,75m² và 459,2m² nên đã nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất với hai anh em ông C, ông L (đã thực hiện

đầy đủ các thủ tục xác nhận tại tổ xóm; có lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 31/01/2001 được UBND phường SB xác nhận). Năm 2002, gia đình bà đã xây nhà cấp 4 và hàng rào bao quanh đất. Năm 2004, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế, lệ phí trước bạ theo đúng quy định của pháp luật. Quá trình thực hiện việc mua bán cũng như xây dựng đều diễn ra công khai, minh bạch, không có tranh chấp xảy ra. Sau đó gia đình bà H đã quản lý sử dụng đất này công khai, liên tục. Đến năm 2010, khi nhận được Quyết định số 1509/QĐ-UBND bà mới biết mình là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ việc tranh chấp đất đai giữa ông C, ông L và ông D.

Gia đình bà không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của Bà Đinh Thị T. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện; công nhận hiệu lực pháp luật của Quyết định số 97/QĐ-UB; Công nhận việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa gia đình bà và ông L, ông C là hợp pháp, đúng quy định của pháp luật; xác định gia đình bà là người có quyền quản lý, sử dụng đối với thửa đất đang tranh chấp.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2020/HC-ST ngày 18/9/2020, Tòa án nhân dân tỉnh CB căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 22, Điều 28 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; khoản 3 Điều 5 Luật khiếu nại năm 2011; Điều 1, Điều 19 Pháp lệnh của Hội đồng nhà nước số 53-LCT/HĐNN8 ngày 07/5/1991 về giải quyết khiếu nại, tố cáo; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, quyết định:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện Đinh Thị T về việc hủy:

- Quyết định số 577/QĐ-UBND ngày 14/05/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh CB về việc hủy bỏ các quyết định giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Tô Vĩnh D với ông Bé Văn T, tổ 19, phường SB, thành phố CB;

- Quyết định số 1713/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của UBND thành phố CB về việc hủy bỏ Quyết định số 143/QĐ-XKT-UB ngày 15/01/2004 của Chủ tịch UBND thị xã CB về việc quyết định giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Tô Vĩnh D tổ 34-Khối Nà Cạn với Ông Bé Quang L (con ông Bé Văn T), khối HN, phường SB, thị xã CB;

- Quyết định số 803/QĐ-UBND ngày 12/6/2019 của UBND tỉnh CB về việc đình chỉ Quyết định số 577/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh CB về việc hủy bỏ các quyết định giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Tô Vĩnh D với ông Bé Văn T, phường SB, thành phố CB;

- Quyết định số 1796/QĐ-UBND ngày 05/6/2019 của UBND thành phố CB về việc đình chỉ Quyết định số 1713/QĐ-UBND ngày 05/6/2019 của Chủ tịch UBND thành phố CB về việc hủy bỏ Quyết định số 143/QĐ-XKT-UB ngày 15/01/2004 của UBND thị xã CB về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa gia đình ông Tô Vĩnh D - Khối NC với Ông Bé Quang L (con ông Bé Văn T), khối HN, phường SB, thị xã CB.

2. Về án phí: Bà Đinh Thị T được miễn án phí hành chính sơ thẩm.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn thông báo về quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/10/2020, người khởi kiện là Bà Đinh Thị T có đơn kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Bà Đinh Thị T không rút đơn khởi kiện, giữ nguyên kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Các luật sư Nguyễn Đắc T và Phùng Văn C (người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T) đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà T, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng khi xác định nguồn chứng cứ, thu thập chứng cứ không đầy đủ, không đúng pháp luật và việc đánh giá chứng cứ không khách quan, thiếu toàn diện, cụ thể: Biên bản họp ngày 04/6/1994 chỉ là bản phô tô nên không đủ cơ sở xác định đây chính là Biên bản giải quyết khiếu nại ngày 07/6/1994 và ngày 07/7/1994 mà tại Báo cáo số 126/ĐC-TT ngày 01/6/1995 của Thanh tra Sở Địa chính và Văn bản số 12/CV-HND ngày 20/3/1995 của Ban chấp hành Hội nông dân tỉnh CB đã đề cập. Thực tế các buổi làm việc ngày 04/6/1994, ngày 07/6/1994 và 07/7/1994 là các buổi làm việc khác nhau. Sau khi Quyết định số 97/QĐ-UB được ban hành, ông D đã có khiếu nại và được cơ quan có thẩm quyền xử lý thể hiện tại Báo cáo số 126/ĐC-TT ngày 01/6/1995 của Thanh tra Sở Địa chính, để làm rõ thì cần phải thu thập lời khai của những người tham gia việc giải quyết khiếu nại ngày 07/6/1994 này. Vì vậy, không đủ cơ sở xác định ông D khiếu nại quá thời hạn 8 ngày. Mặt khác, khi giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa các con của ông D vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng là không đúng.

Đại diện UBND thành phố CB giữ nguyên các quan điểm đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của Bà Đinh Thị T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đơn kháng cáo của Bà Đinh Thị T là hợp lệ. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính. Về nội dung, kháng cáo của Bà Đinh Thị T là không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính xử bác kháng cáo của Bà Đinh Thị T và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của Bà Đinh Thị T trong thời hạn luật định và hợp lệ, được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, mặc dù được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng người bị kiện là Chủ tịch UBND tỉnh CB và những người có quyền lợi, nghĩa vụ

liên quan là các ông bà Bé Quang L, Bé Văn C, Nông Thị H, Nguyễn Mạnh C đều vắng mặt và có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy các đương sự vắng mặt đều không kháng cáo và đã có đủ lời khai trong quá trình tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên theo quy định tại khoản 2 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Ngày 09/01/2020, Bà Đinh Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 577/QĐ-UBND ngày 14/05/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh CB về việc hủy bỏ các quyết định giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Tô Vĩnh D với ông Bé Văn T ; Quyết định số 1713/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của UBND thành phố CB về việc hủy bỏ Quyết định số 143/QĐ-XKT-UB ngày 15/01/2004 của UBND thị xã CB về việc quyết định giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Tô Vĩnh D với Ông Bé Quang L (con ông Bé Văn T); Quyết định số 803/QĐ-UBND ngày 12/6/2019 của UBND tỉnh CB về việc đình chính Quyết định số 577/QĐ-UBND; Quyết định số 1796/QĐ-UBND ngày 05/6/2019 của UBND thành phố CB về việc đình chính Quyết định số 1713/QĐ-UBND ngày 05/6/2019. Xét đối tượng khởi kiện trong vụ án đều là quyết định hành chính do cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền và người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước ban hành về vấn đề cụ thể trong hoạt động quản lý hành chính trong lĩnh vực giải quyết tranh chấp đất đai có nội dung làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh CB thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đảm bảo về thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[4] Xét kháng cáo của Bà Đinh Thị T , Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4.1] Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành quyết định hành chính:

Vụ việc tranh chấp đất đai giữa gia đình ông Tô Vĩnh D (chồng Bà Đinh Thị T) với gia đình ông Bé Văn T đã được các cấp chính quyền tỉnh CB giải quyết trong thời gian dài nhưng những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vẫn tiếp tục có khiếu nại, việc tổ chức thi hành quyết định hành chính không tiến hành được. Thực hiện Kế hoạch số 2100/KH-TTTP ngày 19/9/2013 của Thanh tra Chính phủ, Chủ tịch UBND tỉnh CB đã ban hành Quyết định số 937/QĐ-UBND về việc tiếp tục kiểm tra, rà soát, giải quyết các vụ khiếu nại, tố cáo phức tạp, tồn đọng, kéo dài trong đó có vụ việc nêu trên.

Ngày 09/10/2017, UBND thành phố CB có Báo cáo số 243/BC- UBND báo cáo việc tổ chức thi hành Quyết định số 1509/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh CB về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Tô Vĩnh D với ông Bé Văn T. Chủ tịch UBND tỉnh CB đã thành lập Tổ rà soát để kiểm tra, xem xét lại vụ việc. Trên cơ sở báo cáo của các cơ quan chuyên môn, kết quả đối thoại với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Chủ tịch UBND tỉnh CB ban hành Quyết định số 577/QĐ-UBND ngày 14/5/2019 để hủy bỏ Quyết định số 1577/QĐ-UBND ngày 12/7/2005 và Quyết định số 1509/QĐ-UBND ngày 11/9/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh CB và yêu cầu UBND thành phố CB tự hủy bỏ Quyết định số 143/QĐ-XKT-UB ngày 15/01/2004 của UBND thị xã CB là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 5 của Luật Khiếu nại năm 2011 và chỉ đạo của Thanh tra Chính phủ tại Mục I, Kế hoạch số 2100/KH-TTTP ngày 19/9/2013

của Thanh tra Chính phủ về việc tiếp tục kiểm tra, rà soát, giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp, tồn đọng, kéo dài, đảm bảo về trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định tại khoản 10 Điều 22 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015.

Căn cứ theo Quyết định số 577/QĐ-UBND ngày 14/05/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh CB và sau khi tự kiểm tra, rà soát thấy quyết định hành chính được ban hành chưa đúng quy định, UBND thành phố CB đã ban hành Quyết định số 1713/QĐ-UBND ngày 28/05/2019 về việc hủy bỏ Quyết định số 143/QĐ-XKT-UB ngày 15/01/2004 của UBND thị xã CB là đúng về trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định tại Điều 28 Luật tổ chức chính quyền địa phương và các quy định của Luật Khiếu nại năm 2011.

[4.2] Về tính hợp pháp về nội dung của quyết định hành chính:

[4.2.1] Vụ việc tranh chấp ban đầu là ông T đòi lại toàn bộ khu đất ruộng và đất bãi bồi do Hợp tác xã quản lý, sử dụng từ năm 1960 và đã được cải tạo để xây dựng các công trình, nhà cửa phục vụ mục đích hoạt động của Hợp tác xã. Năm 1990, Hợp tác xã giải thể đã thanh lý tài sản trên đất (nhà chữ thập đỏ), ông D mua lại tài sản trên đất, còn đất vẫn thuộc quyền quản lý của Nhà nước. Gia đình ông D đã chuyển đến ở và canh tác trên diện tích đất xung quanh thuộc quyền quản lý của Hợp tác xã. Thời điểm này phát sinh tranh chấp vì ông T cho rằng khu đất này có nguồn gốc do gia đình ông khai phá trước khi được đưa vào Hợp tác xã. Tại các biên bản hòa giải các nhân chứng đều cho rằng nguồn gốc đất do gia đình ông T khai phá trước khi đưa vào Hợp tác xã và các cuộc họp của chính quyền địa phương đều khẳng định việc Hợp tác xã không có quyết định giao đất cho gia đình ông D sử dụng, đồng thời giải quyết cho gia đình ông T. Tuy nhiên, ông D chỉ nhất trí diện tích đất ruộng là của ông T, còn khu đất bãi bồi là của gia đình ông khai phá.

Như vậy, tại thời điểm phát sinh tranh chấp không ai có giấy tờ chứng minh về quyền sử dụng khu đất bãi bồi, chính quyền địa phương và Hợp tác xã cũng không có văn bản, giấy tờ giao đất cho gia đình ông D hoặc gia đình ông T, vì vậy chưa có đủ cơ sở pháp lý chứng minh đất tranh chấp thuộc quyền quản lý, sử dụng hợp pháp của ai. Tuy nhiên, căn cứ vào tình hình thực tế địa phương, nhu cầu sử dụng đất và quyền lợi của các gia đình, trên cơ sở biên bản các cuộc hòa giải và nhằm chấm dứt tranh chấp, ổn định sản xuất, ổn định tình hình an ninh, trật tự của địa phương, UBND thị xã CB ban hành Quyết định số 97/QĐ-UB ngày 05/6/1994 về việc giải quyết tranh chấp đất đai, phân chia, giao đất cho hộ gia đình ông T và ông D. Nội dung Quyết định số 97/QĐ-UB không ghi rõ ông D, ông T được phân chia diện tích đất bao nhiêu nhưng có phân định ranh giới rõ ràng, ổn định (sau này đo đạc lại, xác định ông T được chia 442,68m², ông D được chia 547m²). Quyết định số 97/QĐ-UB đã có hiệu lực pháp luật và được thi hành trên thực tế, cụ thể: Ngày 13/9/2001, Phòng Địa chính thuộc UBND thị xã CB, UBND phường SB và một số thành phần có liên quan đã tổ chức đo đạc, xác định ranh giới đất giữa hai gia đình theo nội dung Quyết định số 97/QĐ-UB. Sau đó trong các năm 2001, 2002 các con của ông T là Ông Bé Quang L và Ông Bé Văn C đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất được phân

chia theo Quyết định số 97/QĐ-UB cho Ông Nguyễn Mạnh C và Bà Nông Thị H (Hợp đồng chuyển nhượng được UBND phường SB xác nhận). Đối với gia đình ông D hiện cũng đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất được phân chia theo Quyết định số 97/QĐ-UB cho người khác.

[4.2.2] Theo trình bày của bà T, do không đồng ý với việc giải quyết tranh chấp tại Quyết định số 97/QĐ-UB ngày 05/6/1994 nêu trên thì ngay sau khi Quyết định số 97/QĐ-UB được ban hành, ngày 6/6/1994 gia đình bà (ông Tô Vĩnh D) đã có đơn khiếu nại. Để chứng minh cho việc gửi đơn khiếu nại trong thời hiệu theo quy định của pháp luật, bà T có xuất trình các tài liệu gồm:

- Báo cáo số 126/ĐC-TT ngày 01/6/1995 của Thanh Sở địa chính thị xã CB . Trong nội dung báo cáo có nêu *“Sau khi UBND thị xã CB ban hành Quyết định số 97/QĐ-UB ngày 05/6/1994 về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Tô Vĩnh D với ông Bé Văn T. Đến ngày 7/6/1994 Sở địa chính đã cử Thanh tra xuống cùng tham dự buổi giải quyết lần 2 của Thanh tra thị xã CB ”* (Số “7” thể hiện ngày là được viết bằng tay, không phải số do đánh máy).

- Văn bản chuyển đơn số 286 ngày 08/01/1995 của Ban biên tập Báo nhân dân.

- Văn bản số 12/CV/HND ngày 20/3/1995 của Ban chấp hành Hội nông dân CB về việc chuyển đơn khiếu nại của ông D. Nội dung văn bản có nêu về *“Biên bản giải quyết đơn khiếu nại tranh chấp đất đai của Ban Thanh tra thị xã ngày 7/7/1994”*.

- Giấy báo tin ngày 27/6/1994 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh CB về việc nhận đơn khiếu nại của ông Tô Văn Thường.

Tuy nhiên, bà T không xuất trình được Biên bản làm việc về việc giải quyết tranh chấp vào ngày 7/6/1994 và ngày 7/7/1994 được nêu tại các văn bản nêu trên. Trong khi đó, tài liệu hồ sơ thể hiện:

- Tại Công văn số 2524/UBND-BTCD ngày 30/9/2022, Chủ tịch UBND tỉnh CB xác định: *“Chủ tịch UBND tỉnh CB đã giao Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND thành phố CB tổ chức kiểm tra, rà soát hồ sơ vụ việc và cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung trên. Qua kết quả kiểm tra, rà soát của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Báo cáo số 3226/BC-STNMT ngày 28/9/2022 và UBND thành phố CB tại Báo cáo số 2270/UBND-TTr ngày 26/9/2022. Chủ tịch UBND tỉnh CB khẳng định: Không có buổi làm việc giải quyết khiếu nại lần 2 vào ngày 7/6/1994 được nêu tại Báo cáo 126/ĐC-TT ngày 01/6/1995 của Thanh tra Sở Địa chính CB, cụ thể: Không có đơn khiếu nại của đương sự (căn cứ để tiến hành buổi làm việc 7/6/1994); không có văn bản phân công người xác minh vụ việc; không có kế hoạch xác minh, không có biên bản buổi làm việc ngày 7/6/1994.”*.

- Tại Công văn số 231/UBND-BTCD ngày 07/02/2023, Chủ tịch UBND tỉnh CB xác định:

“1. Trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày Quyết định số 97/QĐ-UB ngày 05/6/1994 của UBND thị xã CB về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Tô Vĩnh D với ông Bé Văn T được ban hành, UBND tỉnh CB và các cơ quan

chức năng liên quan (Thanh tra tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố CB) không nhận được đơn khiếu nại của ông Tô Vĩnh D đối với Quyết định số 97/QĐ-UB ngày 05/6/1994 của UBND thị xã CB . Vì vậy, trong thời gian này UBND tỉnh CB và các cơ quan chức năng cũng không được thụ lý giải quyết vụ việc trên. Qua rà soát, kiểm tra hồ sơ, đến ngày 13/12/1994, Thanh tra tỉnh CB mới nhận được đơn khiếu nại của ông Tô Vĩnh D và ông Tô Xuân T (là hai anh em). Theo quy định tại Điều 19, Pháp lệnh giải quyết khiếu nại, tố cáo năm 1991, đơn khiếu nại đã quá thời hiệu 08 ngày.

2. Đối với Văn bản số 286 BĐ/ND ngày 08/01/1995 của Ban Biên tập báo Nhân Dân về việc chuyển đơn của ông Tô Vĩnh D khiếu nại Quyết định số 97/QĐ-UB ngày 05/6/1994; Văn bản số 12 CV/HND ngày 20/3/1995 của Ban chấp hành tỉnh hội nông dân CB về việc chuyển đơn khiếu nại của ông Tô Vĩnh D : Qua xem xét thấy các đơn khiếu nại trên gửi không đúng cơ quan có thẩm quyền và các cơ quan trên đều nhận và chuyển đơn vào năm 1995 (đều quá thời hiệu hơn 01 tháng).

3. Qua rà soát, khẳng định không có “Biên bản giải quyết đơn khiếu nại tranh chấp đất đai của Ban Thanh tra thị xã ngày 7/7/1997” nêu tại Văn bản số 12 CV/HND ngày 20/3/1995 của Ban chấp hành tỉnh hội nông dân CB . Ngày 07/7/1994 là Chánh Thanh tra thị xã CB sao y bản chính “Biên bản họp giải quyết đơn khiếu nại tranh chấp đất đai ngày 04/6/1994” của Thanh tra thị xã CB .”.

- Đối với Giấy báo tin ngày 27/6/1994 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh CB chỉ thể hiện đã nhận đơn khiếu nại của ông Tô Xuân T khiếu nại đối với Quyết định số 97/QĐ-UB ngày 05/6/1994 của UBND thị xã CB . Tuy nhiên, trong vụ việc tranh chấp này ông Thường không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (vì đất tranh chấp không phải là di sản thừa kế) nên ông Thường không có quyền khiếu nại đối với Quyết định số 97/QĐ-UB ngày 05/6/1994 của UBND thị xã CB .

Như vậy, không có cơ sở chấp nhận nội dung trình bày của bà T cho rằng ngày 06/6/1994 gia đình bà (ông Tô Vĩnh D) đã có đơn khiếu nại đối với Quyết định số 97/QĐ-UB ngày 05/6/1994 hoặc gia đình bà (ông Tô Vĩnh D) đã có đơn khiếu nại nào khác gửi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong khoảng thời gian 06 tháng kể từ ngày Quyết định số 97/QĐ-UB được ban hành.

[4.2.3] Theo tài liệu do các cơ quan, ban, ngành và chính quyền địa phương cung cấp thì đến ngày 13/12/1994 ông Tô Vĩnh D mới có đơn khiếu nại đối với Quyết định số 97/QĐ-UB ngày 05/6/1994 của UBND thị xã CB . Tại Điều 19 Pháp lệnh giải quyết khiếu nại, tố cáo năm 1991 quy định: “Thời hiệu khiếu nại là sáu tháng, kể từ ngày có quyết định hành chính hoặc việc làm trái pháp luật, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”. Như vậy, ngày 13/12/1994 ông D mới có đơn khiếu nại đối với Quyết định số 97/QĐ-UB ngày 05/6/1994 là đã quá thời hiệu khiếu nại 8 ngày. Quyết định số 97/QĐ-UB ngày 05/6/1994 của UBND thị xã CB đã có hiệu lực pháp luật và đã được thi hành xong trên thực tế nên việc UBND thị xã CB và Chủ tịch UBND tỉnh CB tiếp tục giải quyết tranh chấp đất giữa hai chủ thể là ông T và ông D tại Quyết định số 143/QĐ-XKT-UB ngày 15/01/2004, Quyết định số 1577/QĐ-UBND ngày 12/7/2005 và Quyết định

số 1509/QĐ-UBND ngày 11/9/2010 là không đúng pháp luật. Trên cơ sở đó, Chủ tịch UBND tỉnh CB đã ban hành Quyết định số 577/QĐ-UBND ngày 14/5/2019 (để hủy bỏ Quyết định số 1577/QĐ-UBND ngày 12/7/2005 và Quyết định số 1509/QĐ-UBND ngày 11/9/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh CB và yêu cầu UBND thành phố CB tự hủy bỏ Quyết định số 143/QĐ-XKT-UB ngày 15/01/2004 của UBND thị xã CB) là có cơ sở, đúng pháp luật và phù hợp với thực tế là các quyết định giải quyết tranh chấp được ban hành sau Quyết định số 97/QĐ-UB ngày 05/6/1994 không thi hành được.

Căn cứ theo Quyết định số 577/QĐ-UBND ngày 14/05/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh CB và sau khi tự kiểm tra, rà soát thấy quyết định hành chính được ban hành chưa đúng quy định, UBND thành phố CB đã ban hành Quyết định số 1713/QĐ-UBND ngày 28/05/2019 về việc hủy bỏ Quyết định số 143/QĐ-XKT-UB ngày 15/01/2004 của UBND thị xã CB là đúng quy định của pháp luật.

[4.2.4] Về tính hợp pháp của Quyết định số 803/QĐ-UBND ngày 12/6/2019 của UBND tỉnh CB về việc đình chỉ Quyết định số 577/QĐ-UBND; Quyết định số 1796/QĐ-UBND ngày 05/6/2019 của UBND thành phố CB về việc đình chỉ Quyết định số 1713/QĐ-UBND ngày 05/6/2019:

Do Quyết định số 577/QĐ-UBND ngày 14/5/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh CB và Quyết định số 1713/QĐ-UBND ngày 28/05/2019 của UBND thành phố CB được ban hành đúng pháp luật, vì vậy không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc hủy Quyết định số 803/QĐ-UBND ngày 12/6/2019 của UBND tỉnh CB và Quyết định số 1796/QĐ-UBND ngày 05/6/2019 của UBND thành phố CB.

[4.2.5] Ông Tô Vĩnh D đã chết nhưng khi giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa con ông D vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có thiếu sót. Hội đồng xét xử xét thấy thiếu sót về mặt tố tụng này không làm thay đổi bản chất, nội dung vụ án, vì vậy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà T và đề nghị của các Luật sư về việc hủy án sơ thẩm. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định bác đơn khởi kiện của Bà Đinh Thị T là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội về việc bác kháng cáo của Bà Đinh Thị T và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm là có cơ sở, được chấp nhận.

[5] Về án phí: Bà T là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí hành chính phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên, căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện là Bà Đinh Thị T ; Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2020/HC-ST ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh CB .

2. Về án phí: Bà Đinh Thị T được miễn nộp án phí hành chính phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh CB ;
- VKSND tỉnh CB ;
- Cục THADS tỉnh CB ;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Hải Hiệp

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Huyền Cường

Điền Văn Hằng

Phùng Hải Hiệp